

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2026/KDTM - ST

Ngày: 31- 7 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Sang;

2. Bà Phạm Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên – Kiểm sát Viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 90/2026/TLST-KDTM ngày 04 tháng 6 năm 2026 về việc Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2026/QĐXXST - KDTM ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C; địa chỉ: Tầng 9-26-27-28-29 cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 Tôn Đức T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đình Song C, sinh năm 1999; địa chỉ: Tầng 28 cao ốc Saigon Trade Centre, số 37 Tôn Đức T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Một thành viên H, địa chỉ trụ sở: 1/411B khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Bích Ch, chức vụ: Chủ tịch công ty, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Bích Ch, sinh năm 1979; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố 5, xã Đức P, tỉnh Quảng Ngãi. Tạm trú: Số nhà 11/26 khu phố B, phường A Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ông Yin Hua J, sinh năm 1973; địa chỉ: 1/411B khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Đình Song C trình bày:

Do Công ty TNHH Một thành viên H (viết tắt là Công ty H) có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên đề nghị Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C (viết tắt là Công ty C) tài trợ tài chính. Vào ngày 23/8/2024, Chi nhánh Công ty H và Công ty C đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C240817502. Theo đó, tài sản thuê gồm:

- 01 Máy khoan 8 mũi;
- 02 Máy cưa Lipso NOZAKI NR-300 (Lipso NOZAKI NR-300);
- 01 Máy cưa CNC thẳng Panel tự động GALAXY 90;
- 01 Máy cưa CNC thẳng Panel bán tự động SHINX2556;
- 01 Máy cắt CNC theo khuôn mẫu CW-1325DT (CNC ROUTER CW-1325DT);
- 01 Thiết bị lọc rùng rủ khí nén.

Cùng ngày 23/8/2024, Công ty C đã chấp nhận các Thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Thị Bích Ch và ông Yin Hua J.

Để thực hiện Hợp đồng thuê số C240817502 ngày 23/8/2024, Công ty C đã ký hợp đồng mua bán số C240817502-PC để mua các tài sản thuê nêu trên từ Chi nhánh Công ty H và cho chính Chi nhánh Công ty H thuê lại các tài sản này. Cùng ngày, Chi nhánh Công ty H đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê để chấp nhận các tài sản thuê nêu trên. Tổng giá trị tài sản là 1.478.166.666 đồng. Trong đó, Chi nhánh Công ty H trả trước 399.105.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng là 1.079.061.666 đồng. Lãi suất thuê cố định 11.50%/năm. Thời hạn thuê là 36 tháng, tính từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/8/2027.

Hàng tháng, chi nhánh Công ty H phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Chi nhánh Công ty H trả hết toàn bộ vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C vẫn là chủ sở hữu của tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê nếu Chi nhánh Công ty H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty C đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi tài sản thuê và yêu cầu Công ty H bồi thường thiệt hại (nếu có).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Chi nhánh Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên vào ngày 30/9/2025, Công ty C đã phát hành thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê. Yêu cầu Công ty H thanh toán tổng số tiền còn nợ là 791.500.763 đồng.

Ngày 06/10/2025, Công ty C phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu bà Nguyễn Thị Bích Ch và ông Yin

Hua J thanh toán theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký nhưng bà Nguyễn Thị Bích Ch và ông Yin Hua J vẫn chưa thực hiện.

Ngày 03/10/2025, Chi nhánh Công ty H đã tiến hành giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty C để thanh lý, thu hồi nợ. Ngày 09/02/2026, Công ty C đã tiến hành thanh lý toàn bộ tài sản thuê với giá thanh lý là 170.000.000 đồng. Cùng ngày, Công ty C cũng đã căn trừ số tiền ký cược, bảo đảm là 147.816.667 đồng. Số tiền thu được từ việc thanh lý tài sản thuê và số tiền ký cược, bảo đảm nêu trên sau khi thực hiện nghĩa vụ về thuế và căn trừ các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình thu hồi, bảo quản tài sản theo quy định tại Hợp đồng thuê đã ký kết.

Kể từ thời điểm đó đến nay, bị đơn không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Vì vậy, Công ty C yêu cầu Tòa án giải quyết những nội dung sau:

- Yêu cầu Công ty H thanh toán nợ cho Công ty C tính đến ngày 31/7/2026 là 616.770.619 đồng, trong đó: Nợ gốc là 471.422.787 đồng, lãi trong hạn 53.274.118 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 31/7/2026 là 87.333.594 đồng; các khoản chi phí phát sinh trong việc thu hồi, bảo quản tài sản là 4.740.120 đồng.

- Buộc Công ty H thanh toán cho Công ty C tiền lãi chậm thanh toán trên nợ gốc tính từ ngày 01/8/2026 với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ.

- Trường hợp Công ty H không thanh toán đầy đủ khoản nợ thì buộc bà Nguyễn Thị Bích Ch có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Nguyên đơn không yêu cầu ông Yin Hua J thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C theo thư bảo lãnh nên đề nghị Tòa án không đưa ông Yin Hua J vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Hợp đồng cho thuê tài chính số C240817502 và phụ lục số 01; hợp đồng mua bán tài sản và phụ lục số 01; các hóa đơn giá trị gia tăng; giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê; thư bảo lãnh cá nhân; giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm; thông báo v/v chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn H; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh; giấy ủy quyền; thông báo v/v xúc tiến thanh lý tài sản thuê; các hóa đơn giá trị gia tăng - dịch vụ cho thuê tài chính; bảng giải trình các khoản phải thu và giải trình chi tiết các bảng kê đính kèm .v.v.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Nguyễn Thị Bích Ch trình bày:

Thống nhất với trình bày của đại diện nguyên đơn về việc hai bên có ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số C240817502 ngày 23/8/2024 để thuê tài sản là các máy móc nêu trên của nguyên đơn.

Cùng ngày 23/8/2024, Chi nhánh Công ty H đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê để chấp nhận các tài sản thuê nêu trên. Tổng giá trị tài sản là 1.478.166.666 đồng, trong đó, Chi nhánh Công ty H trả trước 399.105.000 đồng. Công ty C tài trợ vốn với giá trị còn lại tương ứng là 1.079.061.666 đồng. Lãi suất thuê cố định 11.50%/năm. Thời hạn thuê là 36 tháng, bắt đầu từ ngày 26/8/2024 đến ngày 20/8/2027.

Để đảm bảo cho hợp đồng cho thuê tài chính, cùng ngày 23/8/2024, bà Ch và ông Yin Hua J đã có thư bảo lãnh với Công ty C.

Hàng tháng, Chi nhánh Công ty H phải thanh toán cho Công ty C tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi theo thỏa thuận cho nguyên đơn.

Quá trình thực hiện hợp đồng thuê tài chính, Công ty H gặp khó khăn nên không có khả năng thanh toán tiền gốc, lãi hàng tháng cho nguyên đơn nên đã bàn giao toàn bộ tài sản máy móc nêu trên cho Công ty C thu hồi xử lý toàn bộ khoản nợ nên sau đó không liên hệ gì với Công ty C. Công ty C có gửi các thông báo về xử lý tài sản cho bị đơn nhưng do công ty đóng cửa nên bà Ch không biết kết quả xử lý tài sản. Bị đơn đồng ý thanh toán nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng đề nghị nguyên đơn xem xét lại số tiền thanh lý máy móc vì toàn bộ máy móc Công ty C thu hồi của Công ty H và bán với giá 170.000.000 đồng để cân trừ nợ là quá ít so với giá trị thực tế của các loại máy móc nêu trên. Bị đơn xác định không yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tài liệu chứng cứ bị đơn giao nộp: Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích Ch trình bày:

Thống nhất với toàn bộ ý kiến và yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH Một thành viên H. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ cho nguyên đơn thì với tư cách là người bảo lãnh, bà Ch đồng ý nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ còn lại theo thư bảo lãnh đã ký kết cho nguyên đơn.

Tài liệu chứng cứ bị đơn giao nộp: Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 31/7/2026 là 616.770.619 đồng.

- Kể từ ngày 01/8/2026, bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc của hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn.

- Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị buộc bà Nguyễn Thị Bích Ch có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty C theo nội dung của Thư bảo lãnh đã ký kết giữa bà Chi với Công ty C cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Đối với ông Yin Hua J, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu ông Yin Hua J phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thư bảo lãnh và đề nghị không đưa ông Yin Hua J vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đây nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C khởi kiện bị đơn Công ty TNHH Một thành viên H yêu cầu thanh toán số tiền nợ của hợp đồng cho thuê tài chính. Bị đơn có trụ sở tại 1/411B khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này là Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là bà Nguyễn Đình Song C; người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bích Ch có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Yin Hua J vắng mặt và nguyên đơn không yêu cầu ông Yin Hua J thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Công ty C Không yêu cầu Tòa án đưa ông Yin Hua J vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó, theo quy định tại Điều 5, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự và không đưa ông Yin Hua J vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Công ty TNHH Một thành viên H và Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số C240817502 ngày 23/8/2024. Nội dung thỏa thuận trong các hợp đồng mà hai bên đã ký kết là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH Một thành viên H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi đúng hạn theo thỏa thuận nên ngày 06/10/2025, nguyên đơn đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê, thu hồi tài sản thuê. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền nợ tính đến ngày 31/7/2026 là 616.770.619 đồng, trong đó: Nợ gốc 471.422.787 đồng, lãi trong hạn 53.274.118 đồng, lãi quá hạn 87.333.594 đồng, các khoản phải thu khác (chi phí phát sinh trong việc thu hồi, bảo quản tài sản) 4.740.120 đồng. Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng ý thanh toán toàn bộ khoản nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92, Điều 351 và Điều 353 của **Bộ luật Dân**, chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên kể từ ngày 01/8/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét thấy, lãi suất, các khoản phí trong các hợp đồng tín dụng do các bên tự thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn đề nghị phía nguyên đơn xem xét lại giá trị các tài sản thanh lý vì cho rằng giá bán tài sản thu hồi được 170.000.000 đồng, đã trừ số tiền ký cược, bảo đảm là 147.816.667 đồng là quá ít so với giá trị thực tế của các loại máy móc mà bị đơn bàn giao. Tuy nhiên quá trình thực hiện việc bán tài sản, nguyên đơn đã thông báo đầy đủ cho bị đơn nhưng bị đơn

không có ý kiến phản hồi, không phản đối về giá cả nên nguyên đơn đã hoàn tất thủ tục bán các tài sản do bị đơn bàn giao. Bị đơn cho rằng giá trị bán thấp nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến trình bày của mình là có căn cứ nên không có cơ sở xem xét.

[2.4] Đối với nội dung thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Thị Bích Ch ngày 23/8/2024 có nội dung: “*bên bảo lãnh đồng ý bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bên thuê đối với bên cho thuê với số tiền bảo lãnh bằng các khoản tiền thuê phải trả theo hợp đồng thuê...*”, “*...bằng thư này, bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp bên thuê không thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo Hợp đồng thuê vì bất kỳ lý do gì, bên bảo lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê...*”. Nội dung của thư bảo lãnh không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 335, Điều 338 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên. Do đó, trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì bà Nguyễn Thị Bích Ch có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C theo nội dung Thư bảo lãnh đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 269, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 335, 336, 341, Điều 342, Điều 351, Điều 353 và Điều 481 của Bộ luật Dân sự;
- Điều 100, Điều 120 và Điều 124 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.
- Nghị định số 39/2014/NĐ-CP, ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C về việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên H.

Buộc Công ty TNHH Một thành viên H phải thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền nợ gốc là 471.422.787 đồng, tiền lãi trong hạn 53.274.118 đồng; tiền lãi quá hạn tính đến ngày 31/7/2026 là 87.333.594 đồng và các khoản phải thu khác (chi phí phát sinh trong việc thu hồi, bảo quản tài sản) là 4.740.120 đồng, tổng cộng là 616.770.619 đồng.

Kể từ ngày 01/8/2026, bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì bà Nguyễn Thị Bích Ch có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C theo nội dung của Thư bảo lãnh đã ký kết giữa bà Nguyễn Thị Bích Chi với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Một thành viên H phải chịu 28.670.825 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 13.030.770 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033666 ngày 28/5/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16- Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16 - Tp Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Khánh Linh